

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Trung.

Ông Lê Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1977. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Kinh Đào Tây, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Công C, sinh năm 1972. (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Kinh Đào Tây, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1995 bà T và ông C tìm hiểu và đi đến hôn nhân, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống, vợ chồng thường cự cãi với nhau, ông C thường hay đi nhậu, khi nhậu về thì cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Công C.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2019, bị đơn ông Lê Công C trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông C và bà T sống chung với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông C đồng ý.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Công C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Tại phiên tòa:*

- Bà T yêu cầu ly hôn với ông C; Về con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Lê Công C xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Công C có đơn yêu cầu xin vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Công C là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của bà T và ông C, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng thuận tình ly hôn, tuy nhiên việc thuận tình ly hôn của ông bà không được Tòa án công nhận, do bà T và ông C sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Kim T và ông Lê Công C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Kim T phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim T và ông Lê Công C.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Kim T phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005657 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền, án phí sơ thẩm bà T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn